

Số: 12/2009/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2009

THÔNG TƯ

Quy định nguyên tắc xác định lại vùng được cung ứng dịch vụ viễn thông công ích khi có sự thay đổi, điều chỉnh địa giới, đơn vị hành chính

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 160/2004/NĐ-CP ngày 03/9/2004 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh bưu chính, viễn thông về viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 74/2006/QĐ-TTg ngày 7/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng.

Thông tư này quy định nguyên tắc xác định lại vùng được cung ứng dịch vụ viễn thông công ích khi có sự thay đổi, điều chỉnh địa giới, đơn vị hành chính cấp huyện, xã theo các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ.

Trong văn bản này, các thuật ngữ sau được hiểu như sau:

1. Xã thuộc vùng công ích là xã thuộc vùng được cung ứng dịch vụ viễn thông công ích.

2. Huyện thuộc vùng công ích là huyện có 100% số xã, thị trấn thuộc vùng công ích.

3. Huyện một phần thuộc vùng công ích là huyện vừa có xã thuộc vùng công ích, vừa có xã không thuộc vùng công ích.

4. Xã đặc biệt khó khăn là xã hiện đang thuộc danh mục xã đặc biệt khó khăn do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 3. Nguyên tắc xác định lại huyện, xã thuộc vùng công ích khi có sự thay đổi, điều chỉnh địa giới, đơn vị hành chính cấp huyện, xã như sau:

1. Trường hợp thành lập mới, đổi tên đơn vị hành chính cấp huyện (bao gồm huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh sau đây gọi chung là huyện).

a) Thành lập huyện mới từ một hoặc nhiều huyện thuộc vùng công ích thì huyện mới cũng thuộc vùng công ích.

b) Thành lập một huyện mới từ một hay nhiều huyện (trong đó có huyện một phần thuộc vùng công ích) thì các xã đã thuộc vùng công ích (khi còn thuộc huyện cũ) vẫn tiếp tục được giữ nguyên thuộc vùng công ích khi chuyển sang huyện mới.

c) Trường hợp đổi tên một huyện (hoặc chuyển huyện thành thị xã, chuyển thị xã thành quận, thành phố...) thì các xã thuộc huyện cũ nếu đã thuộc vùng công ích vẫn tiếp tục thuộc vùng công ích khi mang tên huyện mới.

2. Trường hợp thành lập mới, đổi tên đơn vị hành chính cấp xã (bao gồm xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là xã).

a) Thành lập xã mới từ một hay nhiều xã thuộc vùng công ích thì xã mới cũng thuộc vùng công ích.

b) Thành lập một xã mới từ hai hay nhiều xã (trong đó có xã không thuộc vùng công ích) thì xã mới sẽ không thuộc vùng công ích. Thời điểm tính không thuộc vùng công ích từ tháng tiếp theo tháng có hiệu lực thi hành của văn bản thay đổi, điều chỉnh địa giới, đơn vị hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Trường hợp đổi tên một xã thuộc vùng công ích sang tên mới (hoặc chuyển xã thành thị trấn, thành phường...) thì xã có tên mới hoặc xã chuyển đó vẫn tiếp tục thuộc vùng công ích.

3. Trường hợp điều chuyển một xã từ huyện này tới huyện khác.

a) Trường hợp chuyển một xã thuộc vùng công ích sang huyện thuộc vùng công ích thì xã chuyển tiếp tục thuộc vùng công ích.

b) Trường hợp chuyển một xã không thuộc vùng công ích sang huyện thuộc vùng công ích thì xã chuyển sẽ thuộc vùng công ích. Thời điểm tính thuộc vùng

công ích từ tháng tiếp theo tháng có hiệu lực thi hành của văn bản thay đổi, điều chỉnh địa giới, đơn vị hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Trường hợp chuyển một xã của huyện thuộc vùng công ích sang huyện không thuộc vùng công ích, nếu xã chuyển là xã đặc biệt khó khăn thì xã chuyển vẫn tiếp tục thuộc vùng công ích.

d) Trường hợp chuyển một xã của huyện thuộc vùng công ích sang huyện không thuộc vùng công ích, nếu xã chuyển không phải là xã đặc biệt khó khăn thì sẽ không thuộc vùng công ích. Thời điểm tính không thuộc vùng công ích từ tháng tiếp theo tháng có hiệu lực thi hành của văn bản thay đổi, điều chỉnh địa giới, đơn vị hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

e) Trường hợp chuyển một xã thuộc vùng công ích của huyện một phần thuộc vùng công ích sang huyện khác thì xã chuyển vẫn tiếp tục thuộc vùng công ích khi thuộc huyện mới.

Điều 4. Nguyên tắc xác định lại phân loại khu vực để áp dụng định mức mức hỗ trợ duy trì và phát triển cung ứng dịch vụ viễn thông công ích khi có sự thay đổi, điều chỉnh địa giới, đơn vị hành chính.

1. Giữ nguyên phân loại khu vực đối với các xã thuộc vùng công ích tương ứng với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm c, điểm e, khoản 3 của Điều 3.

2. Xã thuộc phân loại khu vực của huyện thuộc vùng công ích (mà xã được chuyển đến) tương ứng với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, khoản 3 Điều 3.

3. Trường hợp huyện mới được thành lập từ một hoặc nhiều huyện thuộc vùng công ích tương ứng với quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 3 thì phân loại khu vực cho huyện mới căn cứ tỷ lệ số nhân khẩu thuộc các khu vực được chuyển đến huyện mới. Khu vực nào có số lượng nhân khẩu chiếm tỷ trọng cao nhất thì huyện mới thuộc khu vực đó.

4. Trường hợp xã mới được thành lập từ một hoặc nhiều xã thuộc vùng công ích tương ứng với trường hợp quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 3 thì phân loại khu vực cho xã mới căn cứ tỷ lệ số nhân khẩu thuộc các khu vực được chuyển đến xã mới. Khu vực nào có số lượng nhân khẩu chiếm tỷ trọng cao nhất thì xã mới thuộc khu vực đó.

5. Thời điểm áp dụng phân loại khu vực mới (nếu có) đối với trường hợp quy định tại điểm 3, điểm 4 của Điều này tính từ tháng tiếp theo tháng có hiệu lực thi hành của văn bản thay đổi, điều chỉnh địa giới, đơn vị hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 5. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ban hành.

Điều 6. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Viễn thông, Chủ tịch Hội đồng quản lý, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc các Sở Thông tin và Truyền thông, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Công báo;
- Lưu VT, KHTC.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Trần Đức Lai